



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN THỨ 2
LIST OF ACCREDITED TESTS, SECOND EXPANSION

(Kèm theo Quyết định số/ attachment with decision: /QĐ-VPCNCL
ngày tháng 04 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng Kiểm tra chất lượng**

Laboratory: **Quality Control Department**

Cơ quan chủ quản: **Công ty Cổ phần Dược Khoa**

Organization: **Duoc Khoa Pharmaceutical Joint Stock Company**

Lĩnh vực thử nghiệm: **Hóa, Sinh**

Field of testing: **Chemical, biological**

Người quản lý/ Laboratory manager: **Trần Thị Minh Thúy**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1275**

Hiệu lực công nhận/ period of validation: **Kể từ ngày /04/2025 đến ngày 17/03/2026**

Địa chỉ / Address: **Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**

Địa điểm / Location: **Lô III-1.3, đường D3, Khu công nghiệp Quế Võ II, xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh**

Điện thoại/ Tel: **022 2390 3622/109**

E-mail: **kiemnghiem@dkpharma.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN THỨ 2

LIST OF ACCREDITED TESTS, SECOND EXPANSION

VILAS 1275

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe dạng rắn (Bao gồm các nguyên liệu Coenzym Q10 và thành phẩm dạng lỏng có chứa Coenzym Q10) <i>Solid Dietary Supplements products (Including material and Solid dietary Supplements Products containing Coenzym Q10)</i>	Xác định hàm lượng Coenzym Q10 Phương pháp HPLC <i>Determination of Coenzym Q10 content HPLC method</i>	Nguyên liệu/ <i>material:</i> LOQ: 0,1mg/mg Thành phẩm/ <i>Products:</i> LOQ: 2,1 µg/mg	HDKN041 (2024)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN THỨ 2

LIST OF ACCREDITED TESTS, SECOND EXPANSION

VILAS 1275

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
2.	Dung dịch vệ sinh tai, mũi, họng, mắt (bao gồm cả nguyên liệu Ectoin và thành phẩm chứa Ectoin) <i>Hygiene solution for ears, nose, throat, eye (Including material and finished products)</i>	Xác định hàm lượng Ectoin Phương pháp HPLC <i>Determination of Ectoin content HPLC method</i>	Nguyên liệu và thành phẩm/ <i>material and Products</i> LOQ: 0,3 µg/mL	HDKN040 (2024)
3.	Dung dịch vệ sinh tai, mắt, mũi, họng <i>Hygiene solution for ears, nose, throat, eye</i>	Định tính Natri clorid <i>Qualitative of Sodium chloride</i>	POD: 0,5 mg/mL	HDKN043 (2024)
4.		Định lượng Natri clorid Phương pháp chuẩn độ <i>Determination of Sodium chloride Titration method</i>	LOQ: 0,6 mg/mL	HDKN042 (2024)

Ghi chú/Note:

- HDKN.....: Phương pháp do phòng thí nghiệm xây dựng/ *Laboratory developed method*

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN THỨ 2*LIST OF ACCREDITED TESTS, SECOND EXPANSION***VILAS 1275****Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh***Field of testing: Biological*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Dung dịch vệ sinh tai, mắt <i>Hygiene solution for ears, eye</i>	Thử vô khuẩn <i>Sterility test</i>	-	HDKN013 (2024) (Ref: Dược điển Việt Nam V, chương 13, mục 13.7)

Ghi chú/Note:

- HDKN.....: Phương pháp do phòng thí nghiệm xây dựng/ *Laboratory developed method*

Trường hợp Công ty Cổ phần Dược Khoa cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty Cổ phần Dược Khoa phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Duoc Khoa Pharmaceutical Joint Stock Company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*